

Số: 91 /BC-CN

Sóc Trăng, ngày 4 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO TỔNG KẾT
Hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2021 và
Phương hướng nhiệm vụ năm 2022

A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. Khái quát tình hình

Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, hoạt động chính thức từ ngày 29/12/2017. Thực hiện chức năng và phạm vi hoạt động chủ yếu là khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch, nước uống đóng chai, đầu tư xây dựng các dự án cấp nước đáp ứng yêu cầu sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt và các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chính sách giá do Nhà nước quy định.

- Vốn điều lệ 158.631.330.000 đồng. Tỷ lệ vốn Nhà nước tại doanh nghiệp 49%.
- Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm có:
 - + Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị: 05 thành viên (từ tháng 01/2021 đến 08/2021 là 04 thành viên);
 - + Ban Kiểm soát: 03 thành viên (từ tháng 01/2021 đến 08/2021 là 02 thành viên);
 - + Ban điều hành: Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
 - + 05 phòng ban nghiệp vụ: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Kế toán, Phòng Kinh doanh, Phòng Kế hoạch - Vật tư, Phòng Kỹ thuật;
 - + 13 xí nghiệp trực thuộc tại các thành phố, thị xã, huyện;
 - + Tổng số cán bộ, công nhân viên là 292 người, trong đó nữ 64 người.

1. Thuận lợi

- Ngành cấp nước tiếp tục là một trong những ngành đóng vai trò quan trọng trong xây dựng phát triển đô thị và phục vụ đời sống nhân dân. Nhu cầu sử dụng nước sạch trong tiêu dùng của người dân và các cơ sở sản xuất kinh doanh ổn định, sản phẩm tiêu thụ được duy trì ở mức độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng lãnh đạo các đơn vị đã tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh khá tốt, trong đó mục tiêu cơ bản là đáp ứng kịp thời nhu cầu nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Thường xuyên nắm bắt tình hình khó khăn thuận lợi để có giải pháp thực hiện tiếp theo, khắc phục được những khó khăn vướng mắc. Công tác phục vụ khách hàng được quan tâm sâu sát, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng hiệu quả

chuyên môn. Công tác kiểm tra giám sát được chú trọng, thông qua các buổi họp định kỳ có đánh giá nhắc nhở rút kinh nghiệm kịp thời.

- Tình hình tài chính của công ty đã dần ổn định, trong năm qua đã có lãi, để bù đắp lại những khoản lỗ của các năm trước.

- Toàn thể cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp luôn phát huy tinh thần trách nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ chung.

2. Khó khăn

- Là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu đã tác động trực tiếp đến công tác sản xuất của đơn vị, tình trạng nhiễm mặn, nguồn nước cung cấp bị hạn chế, nên việc xử lý và tìm nguồn nước gặp nhiều khó khăn.

- Nhu cầu phát triển đô thị, sử dụng nguồn nước ngày càng tăng nên doanh nghiệp phải cân đối vốn để tái đầu tư phát triển mở rộng, đối với các khu vực ngoại ô thành phố khi xây dựng mở rộng thì phải có nguồn vốn nhiều, suất đầu tư bình quân/hộ cao, khả năng thu hồi vốn chậm.

- Trong năm 2021, diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị, sản lượng không đạt chỉ tiêu theo kế hoạch, việc điều hành của các đơn vị bị gián đoạn, công tác đầu tư phát triển không thể triển khai theo kế hoạch đề ra.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

1. Sản lượng và doanh thu của từng hoạt động sản xuất

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Tỷ lệ (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với 2020	So với KH
I	Sản lượng SXKD						
1.	Nước thương phẩm	m ³	20.540.811	21.360.000	20.663.239	100,6	96,7
2.	Số lượng khách hàng	hộ	91.419	94.220	94.357	103,2	100,1
3.	Nước đóng chai						
3.1	Bình 20 lít	bình	307.314		296.454	96,5	
3.2	Bình 5 gallon	bình	34.385		32.945	95,8	
3.3	Lốc 24 chai (350ml)	lốc	13.317		12.470	93,6	
3.4	Lốc 24 chai (500ml)	lốc	2.584		2.620	101,4	
3.5	Thùng 24 chai (350ml)	thùng	259		20	7,7	
II	Tỷ lệ thất thoát	%	12,29	<15	13,34	108,5	
III	Tổng doanh thu	đồng	189.553.741.149	205.470.000.000	197.607.136.331	104,2	96,2
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	188.790.437.129	205.170.000.000	193.734.182.328	102,6	94,4
1.1	Cấp nước	“	179.952.082.381	197.425.000.000	186.637.803.387	103,7	94,5
1.2	Lắp đặt	“	4.804.708.037	3.500.000.000	2.903.405.232	60,4	83,0

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Tỷ lệ (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với 2020	So với KH
1.3	Nước đóng chai	“	3.600.978.614	3.745.000.000	3.459.654.036	96,1	92,4
1.4	Khác	“	432.668.097	500.000.000	733.319.673	169,5	146,7
2.	Doanh thu tài chính	đồng	479.777.389	100.000.000	2.159.396.556	450,1	2159,4
3.	Thu nhập khác	đồng	283.526.631	200.000.000	1.713.557.447	604,4	856,8

- Như vậy, tổng doanh thu đạt **197.607.136.331** đồng, tăng 4,25% so với năm 2020 và đạt 96,17% so với kế hoạch.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt **193.734.182.328** đồng, tăng 2,62% so với năm 2020 và đạt 94,43% so với kế hoạch

Trong đó:

- + Doanh thu cấp nước: 186.637.803.387 đồng, chiếm 96,34%
- + Doanh thu lắp đặt: 2.903.405.232 đồng, chiếm 1,50%
- + Doanh thu nước đóng chai: 3.459.654.036 đồng, chiếm 1,79 %
- + Doanh thu khác: 733.319.673 đồng, chiếm 0,37 %

2. Kết quả thực hiện kế hoạch của các đơn vị

TT	Đơn vị	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ (%) so KH	Thực hiện 2020	Tỷ lệ (%) so 2020
Sản lượng nước thương phẩm toàn công ty		m ³	20.663.239	21.360.000	96,74	20.540.811	100,60
1	Nguyễn Chí Thanh	m ³	7.518.183	7.340.000	98,28	7.432.314	101,16
2	Phú Lợi	“	5.294.033	5.350.000	93,87	5.410.722	97,84
3	Mỹ Xuyên	“	1.234.184	1.190.000	94,94	1.257.382	98,16
4	Vĩnh Châu	“	1.121.919	1.070.000	97,56	1.098.963	102,09
5	Long Phú	“	685.991	620.000	99,42	658.184	104,22
6	Mỹ Tú	“	485.369	450.000	99,05	461.721	105,12
7	Trần Đề	“	1.325.158	1.240.000	98,89	1.296.952	102,17
8	Đại Ngãi	“	584.187	560.000	94,22	585.035	99,86
9	Kế Sách	“	918.621	810.000	97,73	882.926	104,04
10	Thạnh Trị	“	931.789	880.000	96,06	925.736	100,65
11	Ngã Năm	“	563.805	490.000	98,91	530.876	106,20

Sản lượng nước thương phẩm toàn công ty năm 2021 tăng 0,6% so với năm 2020, đạt 96,74% so với kế hoạch. Trong đó, có 08/11 đơn vị có sản lượng tăng so với năm 2020 và 11/11 đơn vị không hoàn thành chỉ tiêu giao năm 2021.

Tỷ lệ thất thoát toàn công ty tăng 1,05% so với năm 2020 (tỷ lệ từ 12,29% tăng lên 13,34%). Trong đó:

- Đơn vị có tỷ lệ thất thoát thấp nhất năm 2021 là XNCN Trần Đề 9,85% (năm 2020 là 11,49%)

- Đơn vị có tỷ lệ thất thoát cao nhất năm 2021 là XNCN Nguyễn Chí Thanh và Phú Lợi (khu vực TP. Sóc Trăng) 14,16% (năm 2020 là 13,0%)

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2020	KH 2021	So 2021/2020 (%)	So với KH 2021
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	193.734.182.336	188.790.437.128	205.170.000.000	103%	94,4%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu					
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	193.734.182.336	188.790.437.128	205.170.000.000	103%	94,4%
4	Gía vốn hàng bán	114.833.252.817	114.487.921.875	120.000.000.000	100%	95,7%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.900.929.519	74.302.515.253	85.170.000.000	106%	92,6%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.159.396.556	479.777.389	100.000.000	450%	2.159%
7	Chi phí tài chính	3.836.872.018	7.203.193.445	8.500.000.000	53%	45%
	<i>Chi phí lãi vay</i>	3.836.872.018	7.203.193.445	8.500.000.000	53%	45%
8	Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết...					
9	Chi phí bán hàng	42.972.251.815	34.279.195.036	42.500.000.000	125%	101%
10	Chi phí quản lý DN	23.463.148.337	22.926.117.290	23.320.000.000	102%	100,6%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.788.053.905	10.373.786.871	10.950.000.000	104%	98,5%
12	Thu nhập khác	1.713.557.447	296.127.450	200.000.000	579%	856,7%
13	Chi phí khác	252.294.416	262.520.447	150.000.000	96%	168%
14	Lợi nhuận khác	1.461.263.031	33.607.003	50.000.000	4348%	2.922%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.249.316.936	10.407.393.874	11.000.000.000	118%	111,3%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.249.316.936	10.407.393.874	11.000.000.000	118%	111,3%

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2020	KH 2021	So 2021/2020 (%)	So với KH 2021
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	772	656	693	118%	111,3%
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu					

III. Tình hình tài chính năm 2021

1. Tình hình tài sản và nguồn vốn

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2020	2021/2020 (%)
1	Tổng tài sản	200.854.638.592	234.520.874.557	86%
	<i>Trong đó</i>			
+	Tài sản ngắn hạn	66.421.990.979	60.294.889.500	110%
+	Tài sản dài hạn	134.432.647.613	174.225.985.057	77%
2	Tổng nguồn vốn	200.854.638.592	234.520.874.557	86%
	<i>Trong đó</i>			
2.1	Nợ phải trả	47.451.950.663	93.367.503.564	51%
	- Nợ ngắn hạn	46.668.761.293	86.625.013.157	54%
	- Nợ dài hạn	783.189.370	6.742.490.407	12%
2.2	Vốn chủ sở hữu	153.402.687.929	141.153.370.993	109%
	<i>Trong đó</i>			
+	Vốn góp của chủ sở hữu	158.631.330.000	158.631.330.000	100%
+	Quỹ đầu tư phát triển			
+	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.228.642.071)	(17.477.959.007)	30%
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			
	- LNST chưa phân phối lũy kỳ này			
+	Nguồn vốn đầu tư XDCB			

Năm 2021 so với năm 2020 tổng tài sản và nguồn vốn giảm 33,67 tỷ đồng (tương ứng 14%). Trong đó:

- Nợ phải trả giảm 45,92 tỷ đồng tương đương giảm 49%.
- + Nợ ngắn hạn giảm 39,96 tỷ đồng chủ yếu là do trả nợ các nhà cung cấp, nhà thầu và nợ vay ngắn hạn ngân hàng trong năm.
- + Nợ dài hạn giảm 5,96 tỷ đồng chủ yếu là do trả nợ vay các ngân hàng.
- Vốn chủ sở hữu tăng 12,25 tỷ đồng tương đương tăng 9% (do năm 2021 công ty lãi 12,25 tỷ đồng).

2. Về thực hiện nghĩa vụ tài chính

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2020	Năm 2021		Tỷ lệ thực hiện	
				Kế hoạch	Thực hiện	So 2020	So KH
	Nghĩa vụ tài chính	<i>đồng</i>	24.842.852.202		28.374.260.631	114%	-
1	Nộp thuế GTGT	<i>đồng</i>	388.202.865		4.170.456.111	1074%	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>đồng</i>					-
3	Nộp các loại thuế khác	<i>đồng</i>	10.533.100.413		9.971.619.973	95%	-
4	Nộp các khoản bảo hiểm	<i>đồng</i>	5.079.431.642		5.518.787.919	109%	-
5	Các khoản phải nộp khác	<i>đồng</i>	8.842.117.282		8.713.396.628	99%	-
	<i>Phí nước thải sinh hoạt</i>	<i>đồng</i>	<i>8.842.117.282</i>		<i>8.713.396.628</i>	<i>99%</i>	<i>-</i>

Số nộp ngân sách năm 2021 tăng so với năm 2020 là 3,5 tỷ đồng tương đương tăng 14% so với cùng kỳ năm trước.

3. Về sử dụng vốn đầu tư phát triển

STT	DIỄN GIẢI	NGUỒN	SỬ DỤNG	CÒN LẠI
1	Năm 2020 chuyển sang	(21.901.852.201)		(21.901.852.201)
2	Năm 2021	40.180.700.518	2.739.242.275	37.441.458.243
2.1	Nguồn khấu hao TSCĐ	40.180.700.518		
2.2	Nguồn Quỹ ĐTPT			
2.3	Trả nợ vay ODA			
2.4	Chênh lệch tỷ giá tính vào giá thành			
2.5	Đầu tư, mua sắm thiết bị, tài sản		2.739.242.275	
	Trong đó			
	- Nhà cửa vật kiến trúc			
	- Máy móc thiết bị			
	- Thiết bị truyền dẫn		2.488.992.275	
	- Thiết bị dụng cụ quản lý		250.250.000	
	Cộng	18.278.848.317	2.739.242.275	15.539.606.042

- Nguồn vốn tái đầu tư 2020 chuyển sang: - 21.901.852.201 đồng
- Khấu hao năm 2021: 40.180.700.518 đồng
- Sử dụng trả nợ vay ODA 2021: 0 đồng
- Sử dụng cho đầu tư phát triển trong năm 2021: 2.739.242.275 đồng
- Còn lại: 15.539.606.042 đồng

4. Phân phối lợi nhuận: Không có, do công ty vẫn còn bị lỗ lũy kế.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2022

I. Mục tiêu

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 duy trì mức tăng trưởng tương đương 4,5% trên m³ nước thương phẩm.

- Tổ chức sắp xếp lại sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả công tác.

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước tăng sản lượng tiêu thụ, cải tạo chống thất thoát nước.

- Tiếp tục đổi mới công tác chăm sóc khách hàng, cải tiến và ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng nước, chất lượng dịch vụ ngày một tốt hơn, xây dựng đơn vị cấp nước an toàn.

II. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

1. Kế hoạch sản lượng và doanh thu năm 2022

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	So 2021 (%)
I	Sản lượng XSKD				
1	Nước thương phẩm	m ³	20.663.239	21.600.000	+4,53
2	Số lượng khách hàng	hộ	94.357	97.000	+2,80
II	Tỷ lệ thất thoát	%	13,34	<15	
III	Tổng doanh thu	đồng	197.607.136.331	203.263.000.000	+2,66
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	đồng	193.734.182.328	200.763.000.000	
	- Cấp nước	đồng	186.637.803.387	194.400.000.000	
	- Lắp đặt - chuyển nhượng vật tư	đồng	2.903.405.232	3.000.000.000	
	- Nước uống đóng chai	đồng	3.459.654.036	3.363.000.000	
	- Doanh thu khác	đồng	733.319.673		
2	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	2.159.396.556	500.000.000	
3	Thu nhập khác	đồng	1.713.557.447	2.000.000.000	

2. Chi tiết giao kế hoạch sản xuất năm 2022

TT	Đơn vị	Thực hiện năm 2021			Kế hoạch năm 2022				
		Sản lượng (m ³)	Khách hàng (hộ)	Tỷ lệ TT (%)	Sản lượng KH (m ³ /năm)	Sản lượng (m ³ /tháng)	Tăng so 2020 (%)	Khách hàng (hộ)	Tỷ lệ TT (%)
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	7.518.183	22.664	14,16	7.770.000	647.500	3,35	600	<13
2	XNCN Phú Lợi	5.294.033	23.121	14,16	5.600.000	466.667	5,78	700	15

3	XNCN Mỹ Xuyên	1.234.184	6.623	12,19	1.300.000	108.333	5,33	150	10
4	XNCN Vĩnh Châu	1.121.919	6.557	13,41	1.165.000	97.083	3,84	150	<15
5	XNCN Long Phú	685.991	4.122	13,20	720.000	60.000	4,96	53	<12
6	XNCN Mỹ Tú	485.369	2.614	11,83	510.000	42.500	5,07	200	12
7	XNCN Trần Đề	1.325.158	8.031	9,85	1.365.000	113.750	3,01	250	<15
8	XNCN Đại Ngãi	584.187	4.348	10,56	623.000	51.917	6,64	100	<13
9	XNCN Kế Sách	918.621	6.417	11,52	972.000	81.000	5,81	200	13,7
10	XNCN Thạnh Trị	931.789	6.252	12,20	970.000	80.833	4,10	180	<13,5
11	XNCN Ngã Năm	563.805	3.608	13,70	605.000	50.417	7,31	60	14
	Tổng cộng	20.663.239	94.357	13,34	21.600.000	1.800.000	4,53	2.643	<15
12	Lắp đặt	Doanh thu 2.903.405.232 đồng			Kế hoạch doanh thu 3.000.000.000 đồng				
13	Nước đóng chai	Doanh thu 3.459.654.036 đồng			Kế hoạch doanh thu 3.363.000.000 đồng				
14	Khác	Doanh thu 733.319.673 đồng							
	Doanh thu (đồng)	7.096.378.941			6.363.000.000				

Trong đó:

- Sản lượng cấp nước kế hoạch 2022 tăng 4,53% so với năm 2021
- Tỷ lệ thất thoát đầu đầu <15%.
- Phát triển khách hàng mới tăng 2,80% so với năm 2021
- Sản lượng và doanh thu nước đóng chai giảm 2,79% so với năm 2021

3. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2022

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2021	KẾ HOẠCH NĂM 2022	SO VỚI 2021 (%)
I	Chỉ tiêu kinh doanh					
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đồng	10.407.393.874	12.249.316.936	14.000.000.000	
2	Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	đồng			2.800.000.000	
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng				

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2021	KẾ HOẠCH NĂM 2022	SỐ VỚI 2021 (%)
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	10.407.393.874	12.249.316.936	11.200.000.000	
5	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	đồng	656	772	706	
6	Lãi, lỗ năm trước chuyển sang	đồng	(17.477.959.007)	(5.228.642.071)	5.971.357.929	
7	Lợi nhuận để phân phối	đồng				
8	Phân chia lợi nhuận	đồng				
9	Trích quỹ dự phòng	đồng				
10	Trích quỹ đầu tư phát triển	đồng				
11	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	đồng				
12	Trả cổ tức	đồng				
13	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	đồng				
14	Lợi nhuận chuyển năm sau	đồng				
II	Vốn điều lệ	đồng	158.631.330.000	158.631.330.000	158.631.330.000	
III	Nghĩa vụ tài chính	đồng	24.842.852.202	28.374.260.631	29.700.000.000	
1	Nộp thuế GTGT	đồng	388.202.865	4.170.456.111	2.500.000.000	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng			2.800.000.000	
3	Nộp các loại thuế khác	đồng	10.533.100.413	9.971.619.973	10.000.000.000	
4	Nộp các khoản bảo hiểm	đồng	5.079.431.642	5.518.787.919	5.600.000.000	
5	Các khoản phải nộp khác	đồng	8.842.117.282	8.713.396.628	8.800.000.000	
	<i>Phí mức thái sinh hoạt</i>	<i>đồng</i>	<i>8.842.117.282</i>	<i>8.713.396.628</i>	<i>8.800.000.000</i>	

4. Kế hoạch đầu tư

Theo Tờ trình đính kèm

5. Kế hoạch tiền lương và thu nhập cho người lao động 2022

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Số 2021 (%)
1	Số lao động	người	298	292	292	100%
	Chức danh quản lý chuyên trách	người	8	8	8	100%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	người	2	2	2	100%
	Người lao động	người	288	282	282	100%
2	Quỹ tiền lương	đồng	38.823.366.742	38.761.916.956	39.649.243.400	102%
	Chức danh quản lý	đồng	4.070.064.682	3.975.308.212	4.026.443.400	101%

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	So 2021 (%)
	chuyên trách					
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	263.108.796	430.232.415	430.000.000	100%
	Người lao động	đồng	34.490.193.264	34.356.376.329	35.192.800.000	102%
3	Tiền ăn ca	đồng	2.569.156.569	2.599.964.460	2.607.600.000	100%
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	70.080.000	70.080.000	70.080.000	100%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	17.520.000	17.520.000	17.520.000	100%
	Người lao động	đồng	2.481.556.569	2.512.364.460	2.520.000.000	100%
4	Tổng thu nhập	đồng	41.392.523.311	41.361.881.416	42.818.443.400	104%
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	4.140.144.682	4.045.388.212	4.096.523.400	101%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	280.628.796	447.752.415	447.520.000	100%
	Người lao động	đồng	36.971.749.833	36.868.740.789	38.274.400.000	104%
5	Lương bình quân	đ/ng/th				
	Chức danh quản lý chuyên trách	đ/ng/th	43.126.507	42.139.461	42.672.119	101%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đ/ng/th	11.692.867	18.656.351	18.646.667	100%
	Người lao động	đ/ng/th	10.697.844	10.895.018	11.144.444	102%

III. Các giải pháp thực hiện

1. Các giải pháp sản xuất kinh doanh

- Triển khai công tác khảo sát địa bàn, các công trình cấp nước đề nghị mở rộng, hiệu quả đầu tư để sớm thực hiện.

- Đánh giá hoạt động của các nhà máy sản xuất, đầu tư bổ sung nguồn nước khai thác phục vụ để hoàn thành kế hoạch và đảm bảo nguồn nước cung cấp cho người tiêu dùng.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh kiểm tra, giám sát chất lượng nguồn nước theo tiêu chuẩn cho phép.

- Các đơn vị trực thuộc theo dõi các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thường xuyên, giảm lượng nước thất thoát, tăng cường công tác quản lý khách hàng, đánh giá nguyên nhân tăng, giảm sản lượng theo từng thời điểm.

2. Các giải pháp công nghệ, tiết kiệm chi phí sản xuất

- Ứng dụng đổi mới kỹ thuật, công nghệ trong quá trình sản xuất.

- Hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí lao động, vật tư, chi phí quản lý, hạn chế tối đa các tổn thất và thiệt hại không đáng có trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục thực hiện cải tiến hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cho các xí nghiệp trực thuộc.

- Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc sử dụng các loại chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

3. Công tác quản trị

- Giáo dục cán bộ, công nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, thúc đẩy phong trào thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Đánh giá lại công việc của từng đơn vị để xây dựng định biên lao động, luân chuyển bố trí nhân lực đảm bảo lãnh đạo và điều hành sản xuất có hiệu quả.

- Xây dựng quy chế tiền lương, tiền thưởng, động viên khuyến khích được những cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng đảm nhận và giải quyết những công việc quan trọng và đòi hỏi sự phức tạp khi thực hiện. Tiền lương phải gắn liền với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo môi trường làm việc tốt, động viên khuyến khích CB.CNV phát huy năng lực bản thân hoàn thành tốt công việc được giao, đóng góp vào sự phát triển chung của công ty.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HSDH.



Đặng Văn Ngo

Số: 96 /BC-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 4 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021

Thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoạt động năm 2021 của HĐQT Công ty như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2021

1. Cơ cấu thành viên HĐQT

Tại Đại hội cổ đông lần thứ nhất ngày 28/12/2017 đã bầu ra HĐQT gồm 05 thành viên. Tuy nhiên từ tháng 10/2020 đến tháng 08/2021 HĐQT hoạt động chỉ còn 04 thành viên (*Lý do 01 thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện ủy quyền của cổ đông nhưng cổ đông được đại diện đó đã chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác*).

Theo Công văn số 02/CV-VBIC ngày 18/5/2021 của Công ty cổ phần VBIC Việt Nam (*là cổ đông lớn nắm giữ trên 5% cổ phần Công ty*) đề cử ông Đặng Văn Ngộ là người đại diện quản lý phần vốn góp và tham gia thành viên Hội đồng quản trị Công ty. Đến tháng 08/2021 thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, ngày 20/8/2021 Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ thống nhất bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2017-2022 đối với ông Đặng Văn Ngộ.

Hiện nay cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Đại diện/ sở hữu
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn cổ đông chiến lược Công ty cổ phần Hawaco
2	Nguyễn Quang Mãi	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn cổ đông chiến lược Công ty cổ phần Hawaco
3	Trần Anh Hòa	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn Nhà nước
4	Phan Vĩnh Tùng	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn Nhà nước
5	Đặng Văn Ngộ	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn cổ đông Công ty cổ phần VBIC Việt Nam



2. Kết quả sản xuất kinh doanh

Do chịu ảnh hưởng đại dịch Covid 19, tình hình sản xuất kinh doanh Công ty gặp không ít khó khăn, công tác điều hành của HĐQT cũng bị gián đoạn, một số chỉ tiêu chưa đạt được kỳ vọng như mong muốn, công tác đầu tư phát triển không thể triển khai theo kế hoạch đề ra.

Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

- M³ nước thương phẩm: 20.663.239 m³, đạt tỷ lệ 96,74 % so với kế hoạch năm, tăng trưởng 0,6% so với năm 2020.

- Doanh thu: 197.607.136 tỷ đồng, đạt 96,17% so với kế hoạch năm, tăng trưởng 4,26 % so với 2020.

- Lợi nhuận: 12.249.316.936 đồng, đạt 111,36 % so với kế hoạch năm, tăng trưởng 17,70 % so với 2020.

3. Về hoạt động của HĐQT

- HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2021, thông qua các Tờ trình của Ban Tổng Giám đốc và các cuộc họp, HĐQT đã ban hành 11 Nghị quyết/ Quyết định điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ban điều hành được thực hiện đúng quy định. Hàng tháng, quý Ban điều hành thực hiện đúng chế độ báo cáo và lập kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh, thu chi hàng tháng trình HĐQT phê duyệt đúng theo quy định. Đối với các công việc ngoài thẩm quyền, Ban điều hành gửi văn bản trình xin ý kiến phê duyệt của HĐQT mới được triển khai thực hiện.

- Tại các cuộc họp HĐQT, HĐQT cũng đã yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như giải trình các công việc còn tồn đọng để HĐQT có ý kiến chỉ đạo.

II. ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của các đơn vị, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty.

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước, kiểm soát tốt chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống không bảo đảm chất lượng, tỷ lệ thất thoát cao...



8/1/21

- Thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước, nâng công suất khai thác nước sạch các nhà máy với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và các doanh nghiệp trong tỉnh Sóc Trăng.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phân đầu tỷ lệ thất thu, thất thoát giảm.

Trên đây là báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021, xin báo cáo trước Đại hội. Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban TGD;
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VT, HS.DHĐCĐ. *me*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Trọng Hiếu



Số: 01/BC-BKS

Sóc Trăng, ngày 02 tháng 04 năm 2022

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
VÀ TÓM TẮT BCTC NĂM 2021 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**
Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cấp nước Sóc Trăng**

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

1. Thành viên Ban kiểm soát, hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát.

1.1. Thành viên Ban kiểm soát

Ngày 28/12/2017, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2017 của công ty đã bầu ra Ban kiểm soát (BKS) Công ty nhiệm kỳ 2017-2022, bao gồm 03 thành viên:

- Ông Vũ Tiến Bộ - Trưởng ban
- Ông Đỗ Chí Công - Kiểm soát viên
- Ông Nguyễn Văn Gỡ - Kiểm soát viên

Ngày 30/09/2020 ông Nguyễn Văn Gỡ có đơn từ nhiệm làm thành viên BKS, do đó BKS đã họp và thống nhất miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với ông Nguyễn Văn Gỡ kể từ ngày 30/09/2020. Đồng thời bầu bổ sung bà Liễu Thu Trúc làm thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 01/10/2020.

Ngày 16/12/2020 miễn nhiệm thành viên BKS đối với ông Đỗ Chí Công do ông Đỗ Chí Công không còn đủ điều kiện tham gia thành viên BKS theo Điều lệ Công ty.

Ngày 20/08/2021 Bà Thân Hương Lan được bầu bổ sung làm thành viên BKS theo nghị quyết ĐHCĐ theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Ban kiểm soát hiện nay gồm 03 thành viên:

- Ông Vũ Tiến Bộ - Trưởng ban
- Bà Liễu Thu Trúc - Kiểm soát viên
- Bà Thân Hương Lan - Kiểm soát viên

1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức họp định kỳ và họp khi có công việc đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; luôn bám sát Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.
- Xem xét các báo cáo tài chính (BCTC), báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và chương trình kế hoạch của công ty theo định kỳ.
- Tham gia ý kiến với HĐQT trong việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC của Công ty.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác của Công ty đảm bảo theo đúng chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

1.3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

- Tổng mức thù lao chi cho các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2021 là: **581.202.547** đồng *tương đương 0,3% doanh thu bán hàng & ccdv*.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

2.1. Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh

Ban kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động SXKD, thẩm định báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 của Công ty và thông nhất đánh giá như sau:

Sóc Trăng là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu đã tác động trực tiếp đến công tác sản xuất của đơn vị, tình trạng nhiễm mặn, nguồn nước cung cấp bị hạn chế, nên việc xử lý và tìm nguồn nước gặp nhiều khó khăn. Để đảm bảo nguồn nước đạt chất lượng theo tiêu chuẩn phục vụ người dân, Công ty phải có phương án đầu tư nhiều cụm công nghệ xử lý với chi phí tương đối cao. Bên cạnh đó, nhu cầu phát triển đô thị, sử dụng nguồn nước ngày càng tăng nên Công ty phải cân đối vốn để tái đầu tư phát triển mở rộng, đối với các khu vực ngoại ô thành phố khi xây dựng mở rộng thì phải có nguồn vốn nhiều, suất đầu tư bình quân/hộ cao, khả năng thu hồi vốn chậm.

Năm 2021 là một năm khó khăn với cả nước nói chung và với Sóc Trăng nói riêng, do ảnh hưởng của dịch Covid -19 đã ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, sản lượng nước thương phẩm, doanh thu không đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đã đề ra, việc điều hành sản xuất kinh doanh của các đơn vị bị gián đoạn do tình hình dịch bệnh, công tác đầu tư phát triển khách hàng và các hệ thống xử lý nước không thể triển khai theo kế hoạch đã đề ra.

- Tỷ lệ thất thoát nước thương phẩm 13,34% tăng 8,5% so với năm 2020 và thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

- Sản lượng nước thương phẩm tăng 6% so với năm 2020, tuy nhiên chỉ đạt 96,7% kế hoạch đề ra của năm.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt **192.734.182,328** đồng, tăng 2,62% so với năm 2020 và chỉ đạt 94,4% so với kế hoạch năm đã đề ra.

Trong đó:

+ Doanh thu cấp nước: 186.637.803.387 đồng, đạt 94,5% kế hoạch;

+ Doanh thu lắp đặt: 2.903.405.232 đồng, đạt 83% kế hoạch;

+ Doanh thu nước đóng chai: 3.459.654.036 đồng, đạt 92,4% KH;

+ Doanh thu khác: 733.319.673 đồng.

- Năm 2021, Công ty đạt lợi nhuận 12.249.316.936 đồng, góp phần giảm số lỗ lũy kế từ 17.477.959.007 đồng của cuối năm 2020 xuống còn 5.228.642.071 đồng vào cuối ngày 31/12/2021.

2.2. Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021

Công ty đã cố gắng thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp gây nhiều khó khăn trong công tác điều hành cũng như trong sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu tuy chưa đạt được theo kế hoạch đề ra nhưng vẫn tăng trưởng so với năm 2020.

Về các kế hoạch đầu tư theo như Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021 do Công ty vẫn còn đang lỗ lũy kế nên việc huy động vốn từ các tổ chức tín dụng còn khó khăn, đồng thời do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 nên Công ty chưa đầu tư được các dự án theo như kế hoạch đã đề ra.

Về chi trả thù lao cho HĐQT và BKS, Công ty đã chi trả và quyết toán theo tỷ lệ đã được ĐHĐCĐ 2021 thông qua.

Đã lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ đã được ghi trong Nghị quyết.

2.3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021

Trên cơ sở BCTC năm 2021 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ, BKS đã thẩm định và nhất trí báo cáo với ĐHĐCĐ như sau:

- Thống nhất với BCTC năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ.

- Báo cáo đã phản ánh chính xác tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn

072
NG
PP
PN
CT
TRANK

tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 là phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành, không có sai sót trọng yếu xảy ra trong năm 2021 về công tác hạch toán kế toán.

Theo BCTC đã được kiểm toán, đến 31/12/2021, các chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong năm 2021 như sau:

a) Về kết quả kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	193.734.182.336	Chiếm trọng số 98,9% trong tổng doanh thu Công ty.
2	Lợi nhuận trước thuế	12.249.316.936	
3	Lợi nhuận sau thuế	12.249.316.936	

b) Về tài sản:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Tài sản ngắn hạn	64.396.848.279	
2	Tài sản dài hạn	134.432.647.613	
3	Tổng tài sản	198.829.495.892	

c) Vốn chủ sở hữu: 153.402.687.929 đồng.

3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

3.1. Đánh giá hoạt động của HĐQT

- HĐQT đã tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về: chế độ họp, trình tự, thủ tục triệu tập họp, ghi biên bản, ra nghị quyết phiên họp.

- Nội dung các Nghị quyết của HĐQT được thông qua đúng với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, không trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đáp ứng được yêu cầu phát triển cũng như nhiệm vụ của Công ty.

- HĐQT đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban TGD trong hoạt động điều hành SXKD, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ.

- Trong năm 2021, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị, khiếu nại nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, BKS đã được HĐQT phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

3.2. Đánh giá hoạt động của Ban TGD và cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát đánh giá cao những nỗ lực và cố gắng của Ban TGD Công ty trong công tác điều hành hoạt động SXKD, tổ chức triển khai các Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ trong tình hình khó khăn do dịch Covid-19

- Trong năm vừa qua, BKS không phát hiện thấy vấn đề gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban TGD và các cán bộ quản lý khác trong công ty;

97
 TỶ
 AN
 ƯỚ
 RÁP
 3-T.

- Trong cả năm 2021, BKS không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Ban TGD Công ty.

- Biên chế lao động của Công ty hiện tại ổn định, các CBCNV đang ngày càng nỗ lực nhằm nâng cao năng suất lao động.

3.3. Công tác giám sát, kiểm tra thực hiện quy định về quản trị nội bộ của Công ty

- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban TGD và bộ máy điều hành trong việc tuân thủ các quy phạm quản lý nội bộ; Ban TGD đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động SXKD, đồng thời thực hiện khá tốt công tác quản trị nội bộ, hạn chế được nhiều rủi ro và sai phạm có thể xảy ra.

- BKS đã thường xuyên thực hiện hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy phạm quản lý nội bộ của Công ty, công tác ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của Công ty theo đúng quy định, tiến hành phối hợp cùng các phòng ban kiểm kê, kiểm tra tình trạng tài sản cố định, hàng tồn kho, các công trình dự án thi công của Công ty.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Qua hoạt động thực thi nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao cho, năm 2021, BKS nhận thấy, các cơ quan quản trị, điều hành và bộ máy hoạt động của Công ty CP Cấp nước Sóc Trăng đã cơ bản thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2. Kiến nghị

- *Kiến nghị hoàn thiện các văn bản quy phạm quản lý nội bộ:*

Mặc dù hệ thống quy phạm quản lý nội bộ của Công ty đã được ban hành khá đầy đủ, tuy nhiên, Công ty cần phải thường xuyên tổng kết, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy phạm này để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho thích hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển và nhiệm vụ của Công ty trong từng giai đoạn, thời kỳ phát triển.

Công ty nên tiếp tục theo dõi, nghiên cứu và sửa đổi các quy chế, quy định về khoán định mức và quản lý theo định mức đối với vật tư, hóa chất tiêu hao trong sản xuất nước, các chi phí quản lý phát sinh thường xuyên trong quản lý doanh nghiệp như (VPP, CCDC văn phòng...), khoán lương đối với sản phẩm và định biên vị trí công việc... cho phù hợp trong các năm tiếp theo.

- *Kiến nghị HĐQT, Ban TGD xem xét nghiên cứu đầu tư các công trình cấp bách nhằm đảm bảo an toàn cấp nước cho khách hàng trước diễn biến phức tạp của tình trạng xâm nhập mặn tại tỉnh Sóc Trăng:*

BKS kiến nghị HĐQT, Ban TGD Công ty tiếp tục cố gắng tìm kiếm các nguồn vốn từ các nguồn như từ các tổ chức tín dụng, các tổ chức phi chính phủ, nhằm đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư các dự án đầu tư mới, các dự án nâng cấp, cải tạo công nghệ xử lý nước nhiễm mặn nhằm đảm bảo cấp nước liên tục cho khách hàng trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Báo cáo hoạt động trong năm 2020 của Ban kiểm soát. Kính
trình Đại hội thông qua. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM.BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Vũ Tiến Bộ



Số: 97 /TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 4 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/12/2017;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;

Căn cứ Biên bản họp số 04/BB-HĐQT ngày 28/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2021:

(Báo cáo được đăng tải ngày 29/3/2022 trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ <http://www.soctrangwaco.vn> tại mục Quan hệ cổ đông)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ. *MLC*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Trọng Hiếu

Số: 99 /TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 4 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc quyết toán thù lao năm 2021 và Kế hoạch thù lao năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 28/12/2017;

Căn cứ Biên bản họp số 04/BB-HĐQT ngày 28/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao năm 2021 và kế hoạch mức thù lao năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng như sau:

1. Thực hiện năm 2021

1.1. Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

- Hội đồng quản trị: 0,6 % trên Tổng doanh thu.
- Ban Kiểm soát: 0,3 % trên Tổng doanh thu.

1.2. Quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 như sau:

- Hội đồng quản trị: **1.185.642.818** đồng (Một tỷ, một trăm tám mươi lăm ngàn, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, tám trăm mười tám đồng)
- Ban kiểm soát: **592.821.409** đồng (Năm trăm chín mươi hai triệu, tám trăm hai mươi một ngàn, bốn trăm lẻ chín đồng)



Handwritten signature or initials in blue ink.

2. Kế hoạch thù lao năm 2022

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 như sau:

- Hội đồng quản trị: 0,6 % trên Tổng doanh thu.
- Ban Kiểm soát: 0,3 % trên Tổng doanh thu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHĐCĐ. *me*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hiếu



Số: 100 /TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 4 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về Kế hoạch đầu tư các dự án, công trình

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 28/12/2017.

Căn cứ Biên bản họp số 04/BB-HĐQT ngày 28/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch đầu tư các dự án, công trình như sau:

I. Các dự án, công trình đang thực hiện dở dang từ năm 2021 chuyển tiếp sang năm 2022 (đã được thông qua theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 27/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021):

Tổng giá trị đầu tư chuyển tiếp từ 2021 sang năm 2022 là: **40.303.755.010** đồng (Bốn mươi tỷ, ba trăm lẻ ba triệu, bảy trăm năm mươi lăm ngàn, không trăm mười đồng), bao gồm:

1. Đầu tư cải tiến, cải tạo sửa chữa công nghệ nhà máy, trị giá: 3.050.000.000 đồng (Ba tỷ, năm mươi triệu đồng).

2. Đầu tư xây dựng mới Nhà máy nước thị trấn Lịch Hội Thượng, công suất 3.000 m³/ngày đêm, trị giá 17.150.000.000 đồng (Mười bảy tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng).

3. Đầu tư khoan thêm 03 giếng khai thác cho các Nhà máy nước, trị giá: 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ, bảy trăm triệu đồng), cụ thể như sau:

- 01 giếng tầng nông tại XNCN Vĩnh Châu, trị giá 600.000.000 đồng;
- 01 giếng tầng nông tại XNCN Thạnh Trị, trị giá 600.000.000 đồng;
- 01 giếng tầng sâu tại NMN Mỹ Xuyên 3, trị giá 1.500.000.000 đồng.

4. Mở rộng, cải tạo, sửa chữa mạng lưới cấp nước, tổng chiều dài 8.979m, trị giá: 2.751.955.010 đồng (Hai tỷ, bảy trăm năm mươi một triệu, chín trăm năm mươi lăm ngàn, không trăm mười đồng).

5. Đầu tư trang thiết bị kết nối, cung cấp thông tin dữ liệu về hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, trị giá: 14.651.800.000 đồng (Mười bốn tỷ, sáu trăm năm mươi một triệu, tám trăm ngàn đồng).



MTK

II. Các dự án, công trình đề nghị thực hiện năm 2022:

Tổng giá trị dự kiến đầu tư năm 2022 là: **73.518.152.568** đồng (Bảy mươi ba tỷ, năm trăm mười tám triệu, một trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm sáu mươi tám đồng), bao gồm:

1. Đầu tư cải tiến, cải tạo sửa chữa công nghệ nhà máy, trị giá: 30.405.000.000 đồng (Ba mươi tỷ, bốn trăm lẻ năm triệu đồng).

2. Đầu tư xây dựng mới Nhà máy nước thị trấn Kế Sách, công suất 3.000 m³/ngày đêm, trị giá 17.150.000.000 đồng (Mười bảy tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng).

3. Đầu tư khoan thêm 04 giếng khai thác tầng nông và 04 giếng quan trắc (03 giếng quan trắc tầng sâu và 01 giếng quan trắc tầng nông) cho các Nhà máy nước, trị giá: 2.885.000.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm tám mươi lăm triệu đồng).

4. Mở rộng, cải tạo, sửa chữa mạng lưới cấp nước, tổng chiều dài 50.299m, trị giá: 20.438.344.568 đồng (Hai mươi tỷ, bốn trăm ba mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi bốn ngàn, năm trăm sáu mươi tám đồng).

5. Chi phí lập các hồ sơ xin phép khai thác và môi trường, trị giá: 2.639.808.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm ba mươi chín triệu, tám trăm lẻ tám ngàn đồng).

Như vậy, tổng giá trị đầu tư dự kiến chuyển tiếp từ 2021 sang năm 2022 và kế hoạch đầu tư năm 2022 là: **113.821.907.578** (Một trăm mười ba tỷ, tám trăm hai mươi một triệu, chín trăm lẻ bảy ngàn, năm trăm bảy mươi tám đồng)

(Đính kèm Bảng tổng hợp các dự án/ công trình chuyển tiếp từ 2021 và đề xuất thực hiện năm 2022)

Hội đồng quản trị Công ty sẽ cân đối nguồn vốn tự có và vay vốn các ngân hàng thương mại để triển khai các dự án theo từng thời điểm tùy vào khả năng nguồn vốn có được. Thời gian triển khai từ Quý II năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCD.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Trọng Hiếu

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2021
VÀ KẾ HOẠCH ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số: 106.../TTTr-HĐQT, ngày A... / A / 2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

A. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2021 SANG NĂM 2022 (đang thực hiện theo Nghị quyết 01/NQ-DHĐCĐ, ngày 27/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021):

STT	Tên xí nghiệp	Tên hạng mục	Quy mô, công suất	Giá trị đầu tư dự kiến (đồng)	Tiến độ thực hiện
I	Đầu tư cải tiến, cải tạo sửa chữa công nghệ nhà máy			3,050,000,000	
1	XNCN Phú Lợi	Xây dựng bể chứa nước sạch bằng thép Trạm phường 2, TP. Sóc Trăng	500m ³	2,250,000,000	
2	XNCN Long Phú	Thay thế cụm lọc xốp cũ bằng bồn lọc áp lực bằng thép, ĐK 2,2m x cao 5,9m	1.000 m ³ /ngày đêm	400,000,000	
3	XNCN Thạnh Trị	Thay thế bồn cũ bị mục bằng 1 bồn lọc áp lực bằng thép, ĐK 2,2m x cao 4,6m tại Trạm Hưng Lợi	40m ³ /giờ	400,000,000	
II	Đầu tư xây dựng mới Nhà máy nước			17,150,000,000	
1	XNCN Trần Đề	Đầu tư xây dựng NMN Lạch Hội Thượng	3.000 m ³ /ngày đêm	17,150,000,000	Điều chỉnh lại tổng vốn theo khai toán
III	Đầu tư khoan thêm giếng cho các Nhà máy nước			2,700,000,000	
1	XNCN Vĩnh Châu	01 giếng tầng nông (giếng VC8)	60m ³ /h	600,000,000	Đã ký hợp đồng, chưa thi công
2	XNCN Thạnh Trị	01 giếng tầng nông (giếng PL4)	60m ³ /h	600,000,000	Đã ký hợp đồng, chưa thi công
3	XNCN Mỹ Xuyên	01 giếng tầng sâu tại NMN Mỹ Xuyên 3 (do tầng nông chất lượng nước không tốt, bị nhiễm mặn)	80m ³ /h	1,500,000,000	Đã gửi đề nghị cho thuê tư vấn lập hồ sơ thăm dò tầng sâu. Gửi xin ý kiến Tổ trợ lý ngày 17/5/2021
IV	Mở rộng, cải tạo sửa chữa mạng lưới cấp nước, tổng chiều dài 8.979m:			2,751,955,010	
1	XNCN Thạnh Trị	1.1. Mở rộng tuyến ống CN đường Huyện lộ 64, ấp Phú Tân, thị trấn Phú Lộc và ấp Trung Thành, xã Tuân Tức, huyện Thạnh Trị	PVC D114 dài 1.700m; 147 hộ	550,420,000	Dự án WaterWorX, tuyến này nhà thầu đã thi công xong. Tổng giá trị 846.800.000 đồng, trong đó vốn góp công ty 65% là 550.420.000 đồng, còn lại dự án tài trợ 35% là 296.380.000 đồng



2	XNCN Vĩnh Châu	2.1. Mở rộng tuyến ống CN đường Huyện 48 Khu vực Cà Lãng A (Biển) TX. Vĩnh Châu	PVC D114 dài 1.839m; 79hộ	485,948,450	Dự án WaterWorX, tuyến này nhà thầu đã thi công xong. Tổng giá trị 747.613.000 đồng, trong đó vốn góp công ty 65% là 485.948.450 đồng, còn lại dự án tài trợ 35% là 261.664.550 đồng
		2.2. Cải tạo sửa chữa tuyến ống CN hẻm lộ dal khóm 5, ấp Giồng Giữa, đường Lê Lai, TX. Vĩnh Châu	HDPE D110 dài 290m; 07 hộ	145,000,000	Đã gửi Biên bản kiểm tra hiện trường cho Cục QLĐB IV, đang chờ cấp phép. Đã có Hợp đồng thi công
3	XNCN Kế Sách	3.1. MR tuyến ống CN tuyến lộ ấp An Phú, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách	PVC D114 dài 3.400m; 121 hộ	832,011,700	Dự án WaterWorX, tuyến này nhà thầu đã thi công xong. Tổng giá trị 1.280.018.000 đồng, trong đó vốn góp công ty 65% là 832.011.700 đồng, còn lại dự án tài trợ 35% là 448.006.300 đồng
		3.2. Tuyến ống truyền tải Kế Sách – Kế Thành, huyện Kế Sách	PVC D168 dài 1.200m	468,574,860	Dự án WaterWorX, tuyến này đã thi công được khoảng 1.200m. Tổng giá trị thực hiện cho 1.200m là 720.884.400, trong đó vốn góp công ty 65% là 468.574.860, còn lại dự án tài trợ 35% là 252.309.540. Phần vốn kết dư còn lại chuyển sang thực hiện tuyến ống cấp nước áp Precdôn - Mỹ Xuyên
4	XNCN Đại Ngãi	4.1. Cải tạo sửa chữa tuyến ống CN Quốc Lộ Nam Sông Hậu, Km47+965 – Km48+515, thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú	HDPE D110 dài 550m; 14 hộ	270,000,000	Tuyến này đã cấp phép, dự kiến thi công ngày 28/02/2022
V	Đầu tư trang thiết bị, công cụ, dụng cụ lao động:			14,651,800,000	
1		Trang cấp mới 01 máy chủ nhằm quản lý dữ liệu khách hàng sử dụng nước, trang thông tin điện tử công ty, dữ liệu kế toán (máy cũ sử dụng trên 10 năm)		150,000,000	
2		Đầu tư thiết bị kết nối, cung cấp thông tin dữ liệu về hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước	61 giếng khoan + 02 điểm khai thác nước mặt	14,501,800,000	Đã có hồ sơ Báo cáo KTKT – dự toán. Đang lựa chọn nhà thầu thẩm định giá
CỘNG A (I+II+III+IV+V)				40,303,755,010	

20
CC
CC
AI
OC
24A

B. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN NĂM 2022:

STT	Tên xí nghiệp	Nội dung đề nghị	Quy mô, công suất	Giá trị khái toán (đồng)	Lý do đề xuất
I	Đầu tư cải tiến, cải tạo sửa chữa công nghệ nhà máy:			30,405,000,000	
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	1.1. Cải tạo cụm xử lý nước mặt cho Nhà máy Nguyễn Chí Thanh (bể trộn, bể lắng, bể lọc bằng thép)	5.000 m ³ /ngày đêm	4,500,000,000	Tăng cường công suất cho nhà máy
		1.2. Sửa chữa, gia công sàn lọc bằng thép cho các bồn lọc áp lực, ĐK 2,5m: 02 cái; ĐK 2,0m: 02 cái	04 sàn lọc	100,000,000	Sàn lọc cũ bị mục, hỏng
		1.3. Bổ sung 02 bồn lọc áp lực bằng thép, ĐK 2,5m x cao 4,6m	02 bồn lọc	800,000,000	Tăng cường công suất, chuyển trả bể lọc cho XN Đại Ngãi
		1.4. Cải tạo, thay thế máy bơm ly tâm trục ngang 500m ³ /h và hệ thống điều khiển điện tại trạm bơm cấp 2	75-100Kw	1,000,000,000	
		1.5. Sửa chữa, sơn vữa phòng XNCN Nguyễn Chí Thanh, Công ty, cụm xử lý sắt và bể chứa	13 hạng mục	560,000,000	Tường hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
		1.6. Cải tạo đường dây dẫn điện cho Nhà máy Nguyễn Chí Thanh	Cáp 3x50mm ²	115,000,000	Nâng công suất dẫn điện cho Nhà máy
2	XNCN Phú Lợi	2.1. Sửa chữa hệ thống lọc RO, thay lõi lọc RO	Thay 78 lõi	1,300,000,000	Lõi lọc hiện trạng bị thủng màng lọc
		2.2. Sửa chữa lại nền bê tông Trạm Sung Đỉnh		40,000,000	Nền hiện tại đang bị sụt lún
3	XNCN Mỹ Xuyên	3.1. Đầu tư hệ thống xử lý mặn tại NMN Mỹ Xuyên 3	2.000 m ³ /ngày đêm	8,000,000,000	Giảm độ mặn cho nước nguồn*
		3.2. Sửa chữa thay thế mới một số công nghệ Nhà máy Mỹ Xuyên 3 (thay thế 02 bồn lọc trọng lực bằng 02 bồn lọc áp lực, ĐK 2,2m x cao 4,6m)	02 bồn lọc	800,000,000	Bồn lọc hiện trạng quá cũ, bị thủng nhiều chỗ...
		4.1. Xây dựng bể chứa nước sạch bằng thép tại Trạm Hải Ngư	500m ³	2,250,000,000	Tăng công suất cho nhà máy

4	XNCN Vĩnh Châu	4.2. Bổ sung thêm 01 bồn lọc áp lực tại Trạm Hải Ngư, ĐK 2,2m x cao 4,6m	1.000 m ³ /ngày đêm	400,000,000	Tăng công suất cho nhà máy
		4.3. Sửa chữa hồ chứa nước tuần hoàn sau lọc tại XN Vĩnh Châu (hồ xây gạch, khung BTCT)	68m ²	150,000,000	Hồ chứa hiện trạng bị nứt, rò rỉ
		4.4. Sửa chữa, sơn lại văn phòng, hàng rào và bể chứa	03 hạng mục	50,000,000	Tường hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
		4.5. Sửa chữa hồ tuần hoàn sau lọc Trạm Hải Ngư (tăng dung tích chứa từ 200m ³ lên 360m ³ , thay bạt HDPE)	360m ³	100,000,000	Bể chứa hiện trạng bị sụp lún, rò rỉ
5	XNCN Long Phú	5.1. Sửa chữa, sơn văn phòng xí nghiệp	01 hạng mục	20,000,000	Tường hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
6	XNCN Thạnh Trị	6.1. Cải tạo hàng rào Trạm cấp nước Hưng Lợi (cột đá BTCT, tường xây gạch kín)	cao 2,5m x dài 75m	350,000,000	Hàng rào hiện trạng lưới thép B40 đã mục
		6.2. Sửa chữa, sơn văn phòng làm việc, nhà nghỉ công nhân Thạnh Trị và Hưng Lợi	04 hạng mục	50,000,000	Tường hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
		6.3. Bổ sung 01 bồn lọc áp lực, ĐK 2,2m x cao 4,6m tại XN Thạnh Trị	40m ³ /h	400,000,000	Tăng công suất cho nhà máy
		6.4. Lắp mới biến tần giếng 3 Hưng Lợi	11kw	50,000,000	Đề điều hoà áp lực mạng lưới
7	XNCN Ngã Năm	7.1. Cải tạo đường dây điện Nhà máy số 2	9kw nâng lên 20kw	40,000,000	Đề tăng cường nâng công suất trạm bơm
		7.2. Bổ sung 01 bồn lọc áp lực, ĐK 2,2m x cao 4,6m cho Nhà máy Ngã Năm 2	40m ³ /h	400,000,000	Tăng công suất cho nhà máy
		7.3. Thay thế bồn lọc áp lực ĐK 2,0m x cao 3,0m bằng bồn lọc áp lực ĐK 2,2m x cao 4,6m tại XN Ngã Năm	40m ³ /h	400,000,000	Bồn lọc cũ đã chuyển đi Nhà máy Ngã Năm 2
		7.4. Sửa chữa, sơn lại văn phòng XN Ngã Năm	02 hạng mục	40,000,000	Tường hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
		7.5. Bổ sung biến tần cho giếng 1 Nhà máy Ngã Năm 2	11kw	50,000,000	Điều hoà áp lực mạng lưới

		7.6. Cải tạo hồ xử lý nước tuần hoàn sau lọc (nạo vét, trải bạt HDPE) cho Nhà máy Ngã Năm 2	50m ²	50,000,000	Đảm bảo vệ sinh môi trường theo qui định
8	XN Sira chữa (NMN Khu Công nghiệp)	8.1. Có giải pháp xử lý cặn bùn nhất định. Đề xuất mua máy ép bùn (trong năm 2020 đã có đơn vị đến khảo sát)		200,000,000	Hiện nay nhà máy không có diện tích để chứa bùn thải
		8.2. Di dời và thay thế đường dây trạm biến áp (từ QL60 đến hàng rào NMN Khu công nghiệp)		360,000,000	Đường dây điện hiện quá tải
		8.3. Gia cố, tăng cường trụ điện tại Trạm 3 giếng Nhà máy Khu công nghiệp An Nghiệp	02 trụ	30,000,000	Trụ hiện trạng bị nghiêng
		8.4. Bổ sung 02 bể lọc trọng lực bằng thép, ĐK 2,5m x cao 4,6m và 02 bồn lọc áp lực ĐK 2,2m x cao 4,6m	80m ³ /h	1,600,000,000	Tăng cường xử lý nước mặt cho hệ thống lọc hiện trạng
		8.5. Cải tạo hồ thu nước mặt (phía sau xí nghiệp nước đóng chai), nạo vét, đắp bờ, trải bạt HDPE	300m ³	200,000,000	Hiện nay bờ hồ bị lở và bị bồi lắng
		8.6. Nâng công suất xử lý nước mặt cho Nhà máy Khu công nghiệp (bể trộn, bể lắng, bể lọc bằng thép)	5.000 m ³ /ngày đêm	4,500,000,000	Tăng công suất cho nhà máy
9	XNCN Đại Ngãi	9.1. Bổ sung 01 bồn lọc áp lực ĐK 2,2m x cao 4,6m cho XN Đại Ngãi	40m ³ /h	400,000,000	Tăng công suất cho nhà máy
		9.2. Cải tạo đường ống chuyên tải Trạm bơm cấp 2 và bổ sung 01 bơm ly tâm 15kw	40m ³ /h	200,000,000	Tăng công suất cho nhà máy
10	XNCN Trần Đề	10.1. Bổ sung 01 bồn lọc áp lực ĐK 2,2m x cao 4,6m cho XN Trần Đề	40m ³ /h	400,000,000	Tăng công suất cho nhà máy
		10.2. Bổ sung hệ thống công nghệ cho giếng TD94 (bao gồm: đường ống công nghệ giếng, bơm chìm 11kw, đường dây chuyên tải điện, hệ thống điện điều khiển)	40m ³ /h	500,000,000	Phục vụ cho giếng TD4

II	Đầu tư xây dựng mới Nhà máy nước			17,150,000,000	
1	XNCN Kế Sách	Đầu tư xây dựng mới NMN Kế Sách	3.000m ³ / ngày đêm	17,150,000,000	Dự án Hà Lan tài trợ 6.000.000.000 đồng
III	Đầu tư khoan thêm giếng cho các nhà máy			2,885,000,000	
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	1.1. Khoan giếng tầng nông thay thế giếng 8A	40-50 m ³ /giờ	600,000,000	Thực hiện theo Giấy phép khai thác nước số 23/GP-BTNMT, ngày 24/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
		1.2. Khoan 01 giếng quan trắc tầng sâu	chiều sâu 480-500m	150,000,000	
2	XNCN Phú Lợi	2.1. Khoan 02 giếng quan trắc (1 giếng tầng nông và 1 giếng tầng sâu)	tầng sâu, chiều sâu 480-500m; tầng nông, chiều sâu 110-140m	185,000,000	Thực hiện theo Giấy phép khai thác nước số 28/GP-BTNMT, ngày 27/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
3	XNCN Trần Đề	3.1. Khoan giếng bổ sung nguồn nước cho Xí nghiệp Trần Đề (giếng TĐ4)	60m ³ /giờ	600,000,000	Đã có Giấy phép khai thác số 02/GP-UBND, ngày 07/02/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng, trong đó giếng TĐ4 đã được cấp phép
4	XNCN Kế Sách	4.1. Khoan giếng mới tăng cường nguồn nước cho đơn vị (giếng KS7)	60m ³ /giờ	600,000,000	Do giếng KS3 bị lên cát giảm lưu lượng
5	XN Sửa chữa (NMN Khu Công nghiệp)	5.1. Khoan 01 giếng quan trắc tầng sâu	chiều sâu 480-500m	150,000,000	Thực hiện theo Giấy phép khai thác nước số 08/GP-BTNMT, ngày 11/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
6	XNCN Ngã Năm	6.1. Bổ sung thêm 01 giếng khai thác	60m ³ /h	600,000,000	Bước vào mùa khô nguồn nước sản xuất bị thiếu hụt vào các giờ cao điểm, tăng cường lưu lượng khai thác và cấp nước an toàn cho khu vực
IV	Mở rộng cải tạo sửa chữa mạng lưới cấp nước, tổng chiều dài 50.299m:			20,438,344,568	
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	1.1. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Vành đai 2, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D160 dài 770m; ống HDPE D110 dài 770m	747,000,000	Đầu nối tăng cường áp lực mạng lưới đường Tôn Đức Thắng và Phạm Hùng - TP. Sóc Trăng

		1.2. Cải tạo sửa chữa tuyến ống hèm 36, đoạn từ đường Huỳnh Phan Hộ đến đường Kênh 30/4, TP. Sóc Trăng	ống HDPE D110 dài 328m; ống HDPE D63 dài 401m	182,860,201	Đã gửi xin ý kiến Tổ trợ lý, Ban kiểm soát ngày 28/02/2022
2	XNCN Phú Lợi	2.1. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Đoàn Thị Điểm	ống HDPE D63 dài 450m	72,000,000	Di dời 12 TLK để nối liền mạng lưới và một số nhà dân chuẩn bị thi công
		2.2. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Trần Hưng Đạo, từ đường số 2 KDC 586 đến van xả D100 gần công sau Trường Quân sự Quận khu 9	ống HDPE D110 dài 800m	459,000,000	Nối liền mạng lưới và bổ sung nguồn cho Khu DC 586
		2.3. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hèm 585 đường Lê Hồng Phong	ống PVC D60 dài 300m	118,404,290	Khép vòng mạng và khai thác thêm hộ khách hàng (đã gửi xin ý kiến Tổ trợ lý, Ban kiểm soát ngày 18/02/2022)
		2.4. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh Quảng Khuôn	ống HDPE D160 dài 2.050m; HDPE D110 dài 1.455m; HDPE D63 dài 300m	1,930,000,000	
3	XNCN Mỹ Xuyên	3.1. Cải tạo sửa chữa tuyến ống áp Tài Công, xã Tài Văn, huyện Trần Đề	ống HDPE D63 dài 1.350m, 14 hộ	218,000,000	
		3.2. Mở rộng tuyến ống áp Precđôn, xã Tài Văn, huyện Trần Đề	ống PVC D168 dài 6.000m	2,704,848,640	Chuyển tiếp nguồn vốn từ tuyến ống truyền tải Kế Sách - Kế Thành (dự án WaterWorx) là 4.161.305.600 đồng, trong đó vốn góp công ty 2.704.848.640 đồng, còn lại dự án tài trợ 1.456.456.960 đồng
	XNCN Vĩnh Châu	4.1. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 935, đoạn Km25+299 đến giáp đường 30/4, thị xã Vĩnh Châu;	ống PVC D90 dài 220m, có 05 hộ	49,000,000	



4		4.2. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường 30/4, khóm 1, phường 1, thị xã Vĩnh Châu	ống HDPE D160 dài 190m, có 05 hộ	155,000,000	
		4.3. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu lên đường Trần Hưng Đạo, thị xã Vĩnh Châu	ống HDPE D110 dài 1.200m, 10 hộ	428,000,000	Nhằm tăng áp cho đường Trần Hưng Đạo
		4.4. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 935 nối dài, thị xã Vĩnh Châu	ống HDPE D110 dài 2.500m, 50 hộ	900,000,000	Địa bàn giáp ranh nước nông thôn.
5	XNCN Long Phú	5.1. Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường đāl áp Sóc Mới	ống HDPE D63 dài 225m	27,628,852	Đã gửi xin ý kiến Tổ trợ lý, Ban kiểm soát ngày 28/02/2022
		5.2. Cải tạo sửa chữa tuyến ống đường cấp Kênh 5 Nhạo, áp 2, thị trấn Long Phú	ống PVC D114 dài 45m; ống HDPE D63 dài 350m	65,048,385	Đã gửi xin ý kiến Tổ trợ lý, Ban kiểm soát ngày 28/02/2022
		5.3. Mở rộng tuyến ống cấp nước Quốc lộ Nam Sông Hậu, đoạn nối liền huyện Long Phú và xã Long Đức	ống HDPE D160 chiều dài 7.450m	4,640,000,000	Nối liền mạng lưới từ huyện Long Phú đến xã Long Đức
6	XNCN Trần Đề	6.1. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường đê bao Quốc phòng, áp Giồng Chùa, thị trấn Trần Đề	ống HDPE D63 dài 210m, 14 hộ	36,000,000	
		6.2. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hèm 2 đường Nam Sông Hậu, áp Giồng Chùa, thị trấn Trần Đề	ống HDPE D63 dài 110m 8 hộ	20,000,000	
		6.3. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hèm 3 đường Nam Sông Hậu, áp Giồng Chùa, thị trấn Trần Đề	ống HDPE D63 dài 430m, 33 hộ	72,000,000	
		6.4. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hèm Hai Khoai đường Nam Sông Hậu, áp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề	ống HDPE D63 dài 230m, 13 hộ	48,000,000	
		6.5. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hèm Cây Sung, áp Hội Trung (nối dài), thị trấn Lịch Hội Thượng	ống HDPE D63 dài 520m 25 hộ	79,000,000	

100
 CƠ
 C
 C
 CÁ
 S
 S
 /
 TR

		6.6. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hèm cầu Bưng Lức đường tỉnh 934, ấp Hội Trung, thị trấn Lịch Hội Thượng	ống HDPE D63 dài 160m, 09 hộ	26,000,000	
		6.7. Mở rộng tuyến ống cấp nước đường tỉnh 934C nối liền Trần Đề và Lịch Hội Thượng	ống HDPE D160 chiều dài 5.000m	3,100,000,000	
		6.8. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hèm lộ đal bên sông, ấp Giồng Giữa (nối dài), thị trấn Lịch Hội Thượng	ống HDPE D63 dài 160m, 10 hộ	29,000,000	
7	XNCN Đại Ngãi	7.1. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường đal cạnh Cống Bông Bông ấp Phú Hữu, xã Phú Hữu	ống HDPE D63 dài 900m, có 38 hộ	139,000,000	
		7.2. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường đal nối ấp Chùa Ông và ấp Máy Hắt	ống HDPE D75 dài 1.500m, có 30 hộ	290,000,000	
		7.3. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 935B, ấp Hòa Hưng, đoạn từ Km 2+113 đến Km 3+400	ống HDPE D110 dài 1.300, có 30 hộ	460,000,000	
8	XNCN Kế Sách	8.1. Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước Thọ Hòa Đông B (Khu vực cầu Na Tung), TT. Kế Sách	ống HDPE D110 dài 1.684m, HDPE D63 dài 860m, 76 hộ	252,554,200	Tổng giá trị khái toán tuyến này là 745.000.000 đồng, trong đó Dự án WaterWorX tài trợ 492.445.800 đồng (tiền tài trợ chuyển tiếp từ tuyến ống áp Bưng Túc và tuyến ống đường đi Trinh Phú - Kế Sách), còn lại phần Công ty đầu tư là 252.554.200 đồng
		8.2. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hèm nhà Thạch Xuyên ấp An Khương, xã Kế Thành, huyện Kế Sách	ống HDPE D63 dài 260m, 07 hộ	39,000,000	
		8.3. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hèm nhà Sơn Xuyên, ấp An Khương, xã Kế Thành, huyện Kế Sách	ống HDPE D63 dài 185m, 13 hộ	27,000,000	

72
H
R

9	XNCN Thanh Trị	9.1. Cải tạo sửa chữa tuyến ống áp Kinh Ngay, TT Hưng Lợi	ống HDPE D63 dài 1.000m; 43 hộ (24 hộ đăng ký)	171,000,000	
		9.2. Cải tạo sửa chữa tuyến ống áp Xóm Tro, TT Hưng Lợi	ống HDPE D63 dài 936m, 46 hộ (31 hộ đăng ký)	160,000,000	
		9.3. Cải tạo sửa chữa tuyến ống áp Phú Tân, TT Phú Lộc	ống HDPE D110 dài 835m; 28 hộ	310,000,000	
10	XNCN Ngã Năm	10.1. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường kênh Lam Sơn (bên trái), đoạn từ hộ Võ Văn Hiệp đến hộ Võ Hùng Anh	ống HDPE D110 dài 1.565m, 47 hộ	567,000,000	
		10.2. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Lạc Long Quân, đoạn từ ngã ba (Chùa Giác Hương) đến hộ Trương Văn Hai, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D110 dài 700m, 24 hộ	248,000,000	
		10.3. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh Xéo Cạy (bên phải), đoạn từ Trường Tiểu học Tân Lập A đến Cầu Dừa, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D110 dài 1.100m, 36 hộ	391,000,000	
		10.4. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh đường Trâu, đoạn từ Pháo đài đến nhà số 52, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D110 dài 1.500, 35 hộ	552,000,000	
		10.5. Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Quản lộ Phụng Hiệp, đoạn từ cầu Kênh Xáng đến cầu Tám Giai, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D110 dài 2.000m, 30 hộ	725,000,000	
V	Giấy phép khai thác nước dưới đất, môi trường			2,639,808,000	
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	Lập hồ sơ xin phép khai thác tại NMN Phường 8	5.000m ³ /ngày đêm	499,868,000	Đơn vị tư vấn đang thu thập số liệu để viết báo cáo

2	XNCN Vĩnh Châu	Lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác XNCN Vĩnh Châu		35,357,000	Đơn vị tư vấn đang thu thập số liệu để viết báo cáo
3	XNCN Đại Ngãi	Lập hồ sơ xin gia hạn phép khai thác tại Trạm Long Đức		35,127,000	Đơn vị tư vấn đã gửi hồ sơ đến Sở TN&MT
4	Phòng Kế hoạch	Thuê tư vấn thực hiện lấy mẫu và kiểm nghiệm mẫu không khí; mẫu nước thải và viết báo cáo kết quả quan trắc môi trường cho các Xí nghiệp/ Nhà máy/ Trạm cấp nước (13 đơn vị cấp nước) trực thuộc công ty		124,652,000	
		Thuê tư vấn lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường (giấy phép xả thải) cho 16 nhà máy nước trực thuộc công ty	16 nhà máy	1,400,000,000	16 Nhà máy đang đóng phí BVMT đối với nước thải công nghiệp nhưng chưa có giấy phép môi trường (giấy phép xả thải)
5	XN Sửa chữa	Thuê Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Sóc Trăng thực hiện lấy mẫu và kiểm nghiệm mẫu nước sinh hoạt năm 2022 theo QCVN 01-1:2018/BYT cho công ty		544,804,000	Đã được Tổ trợ lý thống nhất và Phó Tổng giám đốc phụ trách đồng ý cho triển khai
CỘNG B (I+...+V)				73,518,152,568	
TỔNG CỘNG (A + B)				113,821,907,578	

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
SÓC TRĂNG

M.S.D.N: 220010720
T.P. SÓC TRĂNG - T. SÓC TRĂNG

Nguyễn Trọng Hiếu

dự kiến sẽ có lãi trong năm nay. Do vậy việc triển khai ngay dự án là rất cần thiết và cấp bách. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận gia hạn thời gian, tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng Nhà máy nước công suất 100.000 m³/ngày đêm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương đầu tư xây dựng để đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất kinh doanh được kịp thời, cụ thể như sau:

- Công suất Nhà máy nước: 100.000 m³/ngày đêm.
- Tổng giá trị đầu tư khoảng: 1.000.000.000.000 đồng (Một ngàn tỷ đồng).
- Thời gian thực hiện: 2022-2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ.

Handwritten initials

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Trọng Hiếu



Số: 1604/TTr-BKS

Sóc Trăng, ngày 16 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Miễn nhiệm và bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 28/12/2017;

Căn cứ Đơn từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát ngày 01/4/2022 của bà Thân Hương Lan và Công văn số 03/CV-VBIC ngày 05/4/2022 của Công ty cổ phần VBIC Việt Nam về việc miễn nhiệm thành viên ban kiểm soát đối với bà Thân Hương Lan và đề cử ông Nguyễn Trọng Kiên tham gia thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2017-2022;

Căn cứ Biên bản họp Ban kiểm soát ngày 15/4/2022.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2017-2022, cụ thể:

1. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2017-2022 đối với bà Thân Hương Lan kể từ ngày 25/4/2022.

2. Bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2017-2022 đối với ông Nguyễn Trọng Kiên kể từ ngày 25/4/2022 với các thông tin cá nhân như sau:

- Sinh năm: 1979.
- CMND số: 121269058, cấp ngày 27/11/2020, nơi cấp: Công an Bắc Giang.
- Hộ khẩu thường trú: Tổ 9, phường Long Biên, Quận Long Biên, Hà Nội.
- Trình độ: Cử nhân kinh tế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS; BKH;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ.



Vũ Tiến Bộ